



**KHAI DUC THANH
GROUP**



NHÀ MÁY NHÔM
XFAWINDOW
CATALOGUE

MỤC LỤC

01



Tổng Quan

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH	03
TỔNG QUAN THƯƠNG HIỆU	05
CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG	07
QUY TRÌNH SẢN XUẤT TIÊU CHUẨN	11
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	13

NHÀ MÁY NHÔM
XFAWINDOW

NHÀ MÁY
997 Quốc lộ N2, Xã Thạnh Lợi, Tỉnh Tây Ninh
TỔNG KHO
B7/7 Võ Văn Vân, Xã Tân Vĩnh Lộc, TP.HCM

☎ 028 6268 5437 | 6268 5340 | 6268 5005
☎ 0983 773 779 ✉ khaiducthanhnhom@gmail.com
🌐 www.nhomxingfawindow.com

02



Sản Phẩm

KAWIN	15
CỬA ĐI HỆ THỦY LỰC	21
CỬA ĐI, CỬA SỔ, VÁCH KÍNH	23
CỬA ĐI XẾP TRƯỢT	31
CỬA ĐI, CỬA SỔ LÙA	33
MẶT DỰNG	37
LAM TRANG TRÍ	39
LAN CAN & CHẮN SONG BẢO VỆ	41
CỬA ĐI TỔ ONG	43
NỘI THẤT	45
CỬA CUỐN CÔNG NGHỆ ĐỨC	47

03



Dự Án

DỰ ÁN CỦA XFAWINDOW	49
-------------------------------	----

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Kính gửi Quý Đối Tác và Khách hàng,

“VỚI MỘT CHẶNG ĐƯỜNG DÀI HƠN 15 NĂM THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN, KHAIDUCTHANH GROUP NÓI CHUNG HAY NHÀ MÁY NHÔM XINGFAWINDOW NÓI RIÊNG TỰ HÀO ĐÃ TẠO RA NHỮNG SẢN PHẨM NHÔM THANH ĐỊNH HÌNH THƯƠNG HIỆU XFA CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU MANG ĐẾN CHO NHỮNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG SỰ AN TOÀN, THẨM MỸ VÀ HIỆN ĐẠI CHO THỜI ĐẠI MỚI.”

NHÀ MÁY NHÔM XFAWINDOW được thành lập từ năm 2015 tiền thân là **Công ty TNHH Cơ Khí – Sản Xuất – Thương Mại và Dịch Vụ Khải Đức Thành** với mục tiêu sản xuất, chế tạo những sản phẩm nhôm thanh định hình dùng trong xây dựng và công nghiệp.

NHÀ MÁY NHÔM XFAWINDOW hướng đến mô hình nhà máy sản xuất bền vững và hiện đại, tương đồng không kém với nước phát triển trên thế giới. Chúng tôi tập trung đầu tư nhà máy với quy mô lớn với các hạng mục nguyên vật liệu, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và chế độ phúc lợi công nhân viên tốt nhất. Nhằm đảm bảo nhà máy được vận hành lâu bền, hiệu quả và an toàn.

Vì vậy, sản phẩm nhôm **XFAWINDOW** có những ưu điểm và tính năng vượt trội, khắc phục những nhược điểm của loại nhôm thông thương, đảm bảo cung cấp ra thị trường nhôm những sản phẩm chất lượng cao, bền và thẩm mỹ,...

Với tôn chỉ mang đến cho thị trường nhôm Quốc Tế nói chung và Việt Nam nói riêng những sản phẩm hàng Việt chất lượng tốt nhất. **NHÀ MÁY NHÔM XFAWINDOW** nỗ lực xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp uy tín, chuyên nghiệp và là niềm tin vững chắc cho các đối tác trong và ngoài nước.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐOÀN VĂN KHẢI



TỔNG QUAN THƯƠNG HIỆU **XINGFAWINDOW**

Trải qua hành trình 20 năm phát triển, **Nhà máy Nhôm XINGFAWINDOW** luôn giữ vững cam kết đặt chất lượng làm cốt lõi, uy tín làm nền tảng. Chúng tôi không ngừng đầu tư công nghệ hiện đại, chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế và tuyển chọn nguyên liệu đầu vào để mang đến những sản phẩm nhôm bền đẹp, an toàn, đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe của thị trường trong và ngoài nước. Với tâm huyết của những người Việt, **XINGFAWINDOW** cam kết đồng hành cùng ngành xây dựng, nâng tầm vị thế nhôm Việt Nam trên bản đồ thế giới.



TÂM NHÌN

XINGFAWINDOW mang trong mình khát vọng đưa nhôm Việt trở thành lựa chọn chất lượng toàn cầu, góp phần định hình vị thế ngành nhôm Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập và phát triển bền vững.



GIÁ TRỊ KHÁC BIỆT

Nguyên liệu được nhập khẩu từ Úc & Malaysia, kiểm định nghiêm ngặt bằng thiết bị Spectro (Đức), đạt chuẩn quốc tế AL6063-T5.

Quy trình sản xuất khép kín theo ISO 9001:2015.

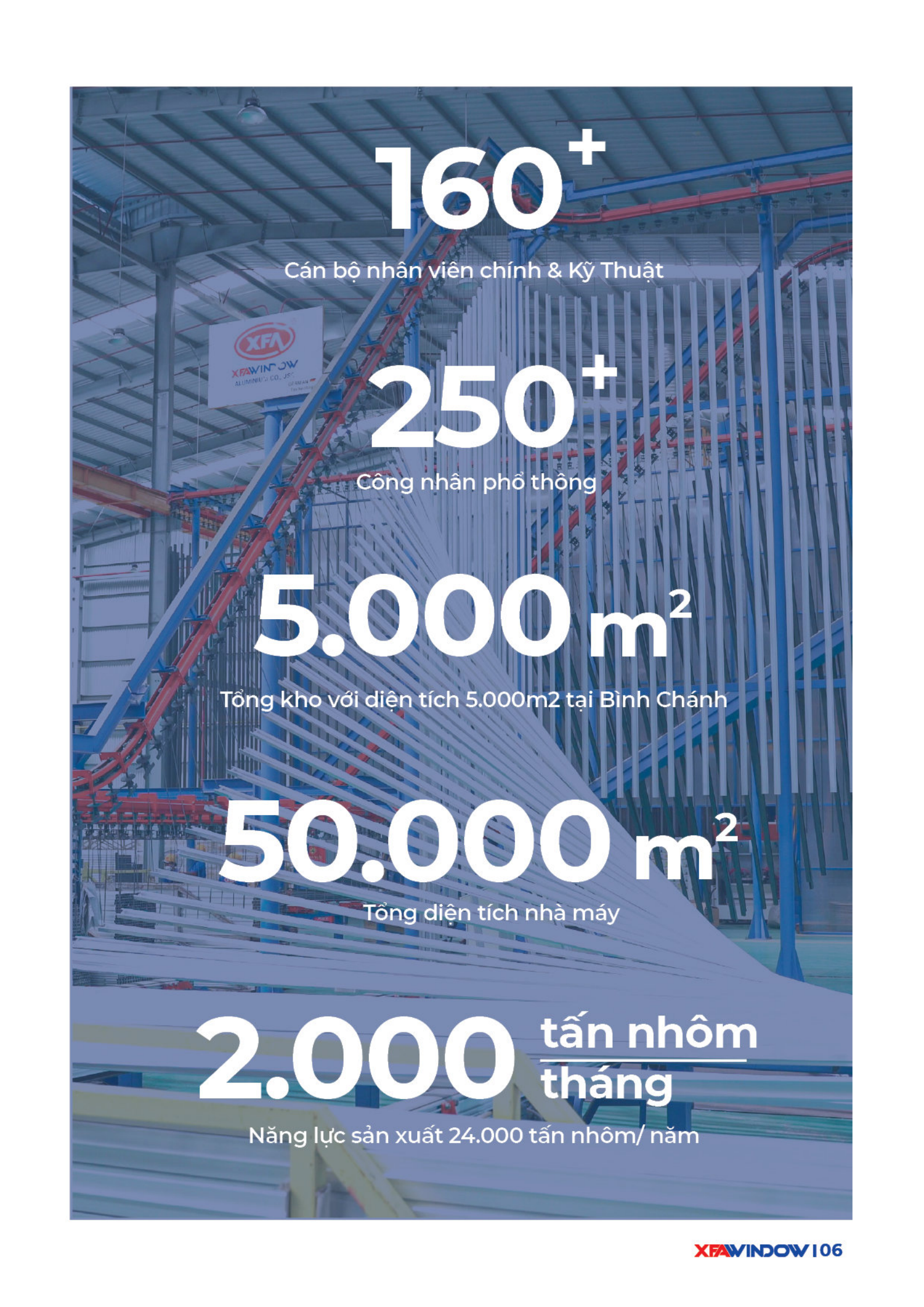


SỨ MỆNH

Nâng tầm nhôm Việt ngang với sản phẩm nhập khẩu chất lượng cao.

Không ngừng đổi mới dây chuyền, công nghệ và quản trị sản xuất để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Gia tăng giá trị thực cho khách hàng bằng sản phẩm vượt trội, dịch vụ chuyên nghiệp và chính sách hậu mãi minh bạch.



160⁺

Cán bộ nhân viên chính & Kỹ Thuật

250⁺

Công nhân phổ thông

5.000 m²

Tổng kho với diện tích 5.000m² tại Bình Chánh

50.000 m²

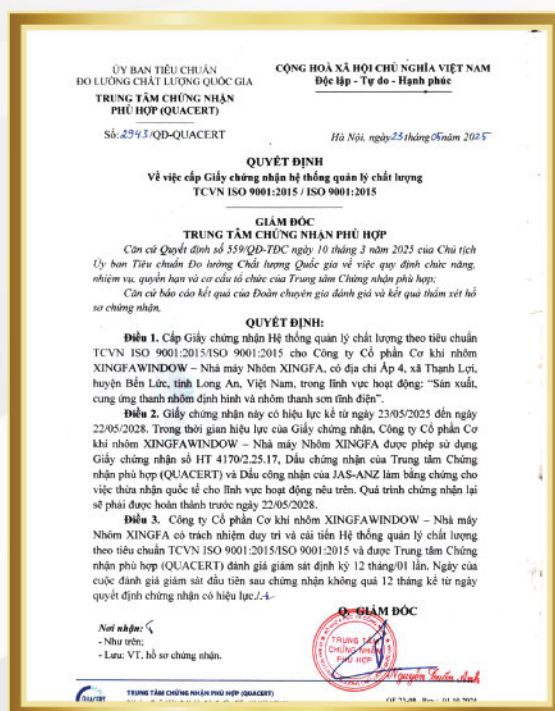
Tổng diện tích nhà máy

2.000 tấn nhôm tháng

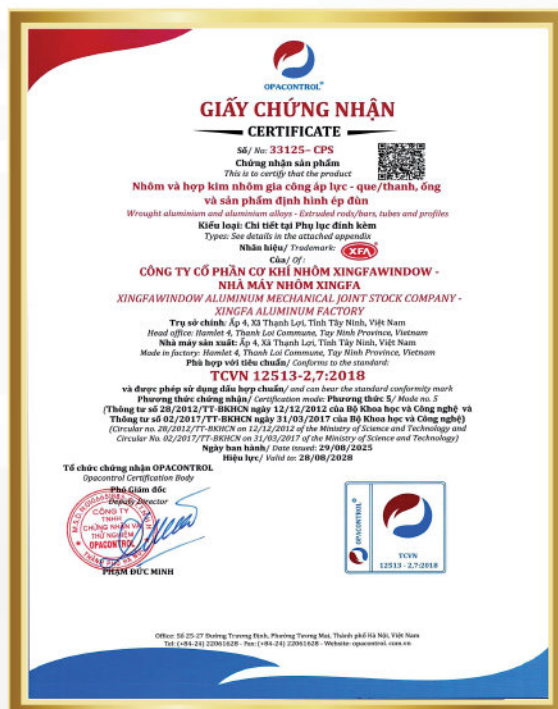
Năng lực sản xuất 24.000 tấn nhôm/ năm

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

HỆ THỐNG QUẢN LÝ ISO 9001:2015



GIẤY CHỨNG NHẬN TCVN 12513-2,7:2018 và 9366-2:2012



CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN NHÃN HIỆU ĐỘC QUYỀN VÀ KIỂU DÁNG DOANH NGHIỆP

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 292370

Chủ Giấy chứng nhận: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ NHÓM XINGFAWINDOW - NHÀ MÁY NHÓM XINGFA (VN)**
Địa chỉ: **Ấp 4, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An**
Số đơn: **4-2016-22401**
Ngày nộp đơn: **25/07/2016**
Cấp theo Quyết định số 8717/QĐ-SHTT, ngày: 08/12/2017
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC TRƯỞNG
Đinh Hữu Phú

VN 4-0292370

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 292370
Mẫu nhãn hiệu:

XFA
XFAWINDOW
ALUMINIUM CO., JSC

Màu sắc nhãn hiệu:
Loại nhãn hiệu: Thông thường
Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "ALUMINIUM".
Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:
Nhóm 06: Cửa sổ bằng kim loại; khung cửa bằng kim loại; cửa ra vào bằng kim loại.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỘC QUYỀN
KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP
Số: 39926

Tên kiểu dáng công nghiệp: **NHÃN SẢN PHẨM**
Chủ Bảng độc quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ NHÓM XINGFAWINDOW - NHÀ MÁY NHÓM XINGFA (VN)**
Địa chỉ: **Ấp 4, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An**
Tác giả: **Đoàn Đức Thành (VN)**
Địa chỉ: **102A Vườn Lài, phường Tân Trích, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**
Số đơn: **3-2023-00966**
Ngày nộp đơn: **05/05/2023**
Số phương án/bản sản phẩm: **01** Số ảnh chụp, bản vẽ: **01**
Cấp theo Quyết định số: **4914/QĐ-SHTT**, ngày: **13/01/2025**
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 5 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
Nguyễn Văn Bảy

BẢNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP SỐ: 39926
Ảnh chụp/bản vẽ kiểu dáng công nghiệp:

XFAWINDOW
ALUMINIUM CO., JSC

NHÀ MÁY NHÓM XINGFAWINDOW
ALUMINIUM CO., JSC

H1

Interpon.
POINTER COATINGS

AkzoNobel

Interpon D2525
25
years
Global Global Warranty

This is to certify that:

Công ty cổ phần cơ khí nhôm Xingfawindow
- Nhà máy nhôm Xingfa

Ấp 4 xã thịnh Lợi, Bến Lức, Long An

GOLD

Interpon D Approved Applicator

Of

Interpon D1036
Interpon D2525

On

Aluminum Substrate
(Chrome 6063 Aluminium)

For the period from **0th May 2019** to **0th May 2026**
Thereafter a new certificate of approval will be required.

This certificate is issued in recognition that the pre-treatment, application and quality management systems and procedures are assessed by AkzoNobel Vietnam comply with the requirements of the Interpon D Approved Applicators Manual and the requirements of AAMA2604.

Alan K. Alex

Signature: **Alan Alex**
(RSRM Business Director, South Asia)

mai

Signature: **Mai Xuan Phong**
(Customer Technical Service Manager)

Approval Certificate Number: **VN 2502-19**

Alu. Nohel Powder Coatings (Vietnam) Co., Ltd Road No.7 Nhon Trach Industrial Zone, Dong Nai Province, Vietnam



QUY TRÌNH SẢN XUẤT TIÊU CHUẨN

1



Nhôm Ingot

(Billet nhôm nhập khẩu từ Úc, Malaysia, Ấn Độ)

2



Lò Luyện Kim 20 Tấn

5



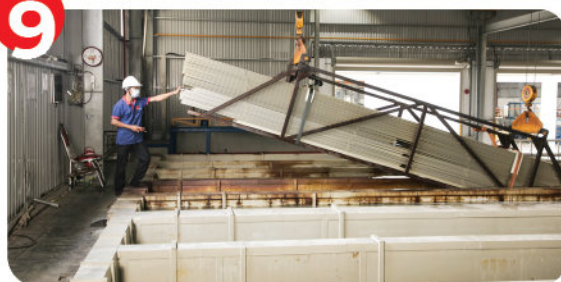
Khuôn Mẫu

6



Dây Chuyển Đùn Ép

9



Xử Lý Bề Mặt

10



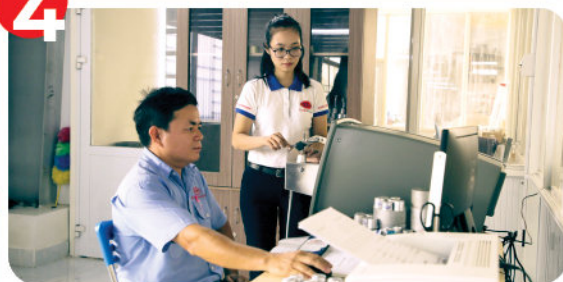
Sơn Tĩnh Điện

3



Phôi Nhôm Billet
(3 inch, 4.7 inch, 5 inch, 8 inch)

4



Phòng Thí Nghiệm

7



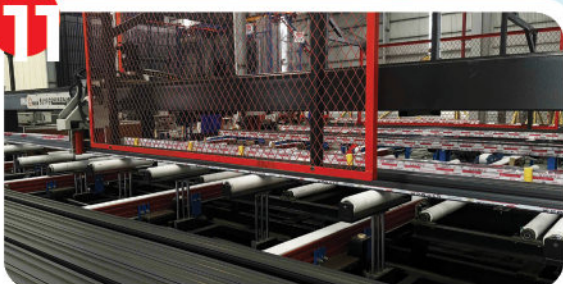
Lò Hóa Già

8



Đo Độ Cứng

11



Đóng Gói & Dán Phim Bảo Vệ

12



**Tổng Kho
Khả Đức Thành**

Ưu điểm của nhôm:

- Nhẹ và bền
- Chống ăn mòn
- Thẩm mỹ
- Không độc
- Không đánh lửa
- Không từ tính
- Hệ số phản chiếu cao
- Dễ gia công cơ khí
- Dễ hàn nối

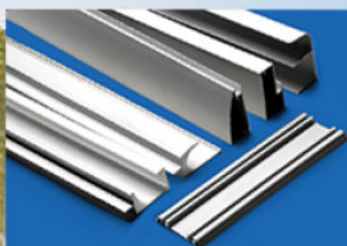
Thành phần hóa học (Hợp kim nhôm: 6063)

- Nguyên liệu nhập khẩu từ Úc

MÁC NHÔM	Si	Fe	Cu	Mn	Mg	Cr	Zn	Ti	Al
6063	0.2 – 0.6	≤ 0.3	≤ 0.1	≤ 0.1	0.4 - 0.9	≤ 0.1	≤ 0.1	≤ 0.1	Còn lại

Cơ Tính (N/m²)

	GIỚI HẠN BỀN KÉO	ĐỘ GIÃN DÀI	GIỚI HẠN CHẢY
Hợp kim nhôm A6063-T5	≥ 150MPa	≥ 7%	≥ 110MPa



XFAWINDOW
ALUMINIUM CO., JSC

NHÀ MÁY NHÔM **XINGFA**WINDOW



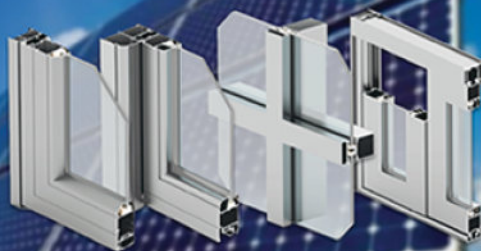
WEBSITE

<https://nhomxingfawindow.com>



HOTLINE

0983 773 779





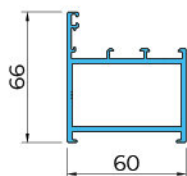
KAVIN

PREMIUM ALUMINIUM

HỆ CỬA ĐI CHÂU ÂU KAWIN 60

(Độ dày 2.5mm)

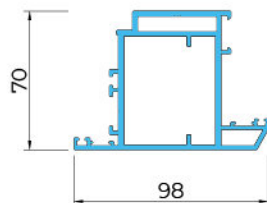
Khung bao cửa đi



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW027	2.5	1.599

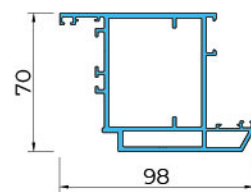
Cánh cửa đi mở ngoài



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW028	2.5	2.477

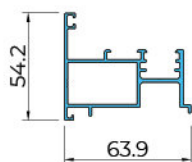
Cánh cửa đi mở trong



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW029	2.5	2.477

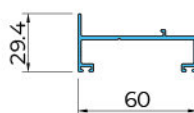
Đổ động dùng chung



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW030	1.5-1.8	1.079

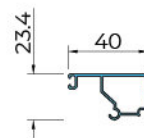
Ốp đáy cánh



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW031	1.5-1.8	0.562

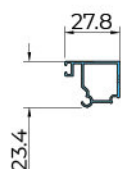
Nẹp kính thường



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW032	1.2	0.343

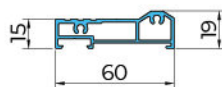
Nẹp kính hộp



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW032A	1.2	0.295

Ốp ngang dưới kbao cửa đi



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW038	1.6	0.823

Ốp dưới cánh cửa đi



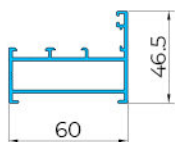
New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW039	1.2	0.204

HỆ CỬA SỔ CHÂU ÂU KAWIN 60

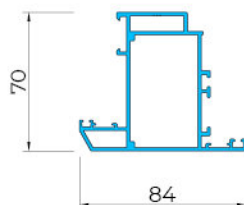
(Độ dày 1.7mm)

Khung bao vách



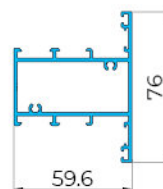
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW033	1.7	0.997

Cánh cửa sổ



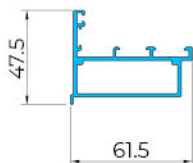
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW034	1.7	1.705

Đố cố định



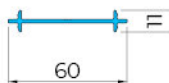
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW035	1.7	1.321

Lật khung



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW036	1.7	0.977

Nối khung

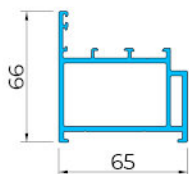


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW037	1.8	0.362

HỆ CỬA ĐI CHÂU ÂU KAWIN 65

(Độ dày 2.5mm)

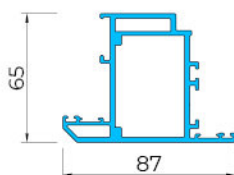
Khung bao cửa đi



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW001	2.5	1.92

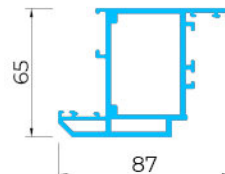
Cánh cửa đi mở ngoài



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW002	2.5	2.174

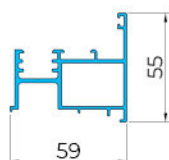
Cánh cửa đi mở trong



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW003	2.5	2.174

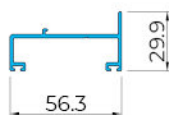
Đế động dùng chung



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW004	1.5-2.0	1.030

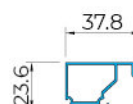
Ốp đáy chân



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW005	1.5-1.8	0.546

Nẹp kính thường



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW006	1.0	0.319

Nẹp kính hộp



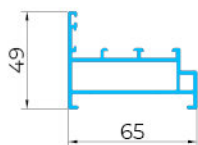
New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW06A	1.0	0.274

HỆ CỬA SỔ MỞ VÀ LÙA CHÂU ÂU KAWIN 65

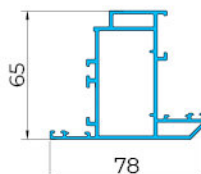
(Độ dày 1.7 & 1.4mm)

Khung bao cửa đi



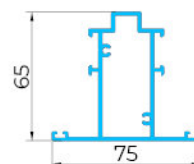
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW007	1.7	1.07

Cánh cửa sổ



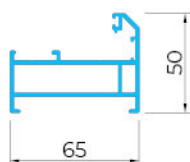
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW008	1.7	1.522

Đố cố định



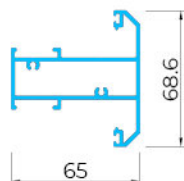
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW009	1.7	1.27

Khung bao cố định



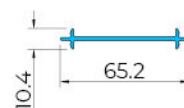
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW010	1.7	1.137

Đố cố định



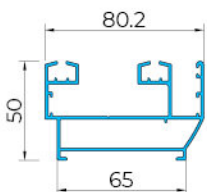
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW011	1.7	1.316

Nối khung



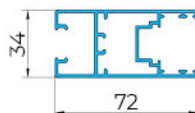
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW012	2.0	0.402

Khung bao lùa



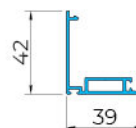
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW022	1.4	1.419

Cánh lùa



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW023	1.4	1.109

Ốp móc cánh lùa



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW024	1.4	0.465

Ốp cánh trung gian



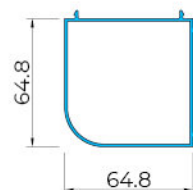
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW025	1.4	0.353

Ốp che mưa



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW026	1.2	0.18

Nối khung 90°

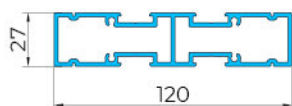


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW013	1.4	0.999

HỆ CỬA ĐI LÙA CHÂU ÂU KAWIN 120

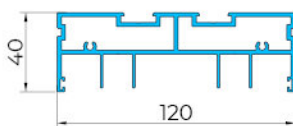
(Độ dày 1.8 - 2.0mm)

Khung bao 120



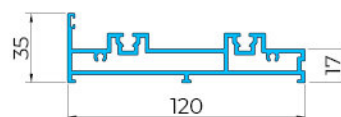
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW014	2.0	2.05

Khung bao ngang trên



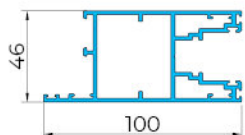
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW015	2.0	2.267

Khung bao ngang dưới



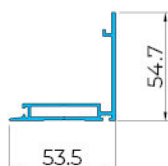
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW016	2.0	2.12

Cánh lùa



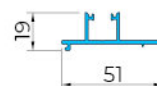
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW017	1.8	1.938

Ốp móc cánh lùa



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW018	1.4-2.0	0.744

Ốp ray đứng



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW019	1.4-1.8	0.400

Nẹp kính thường



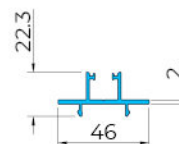
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW020	1.2	0.279

Nẹp kính hộp



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW020A	1.2	0.228

Ốp cánh trung gian



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KW021	1.4-2.0	0.437



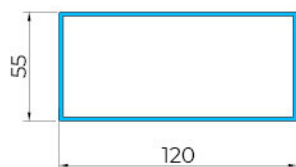
CỬA ĐI HỆ THỦY LỰC

XFA

HỆ THỦY LỰC XFA - 120

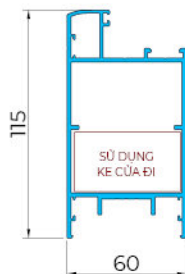
(Độ dày 2.0mm)

Khung bao hộp 55*120



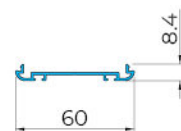
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-TL01	2.0	1.852

Khung cánh



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-TL02	2.0	2.178

Nắp chụp cánh



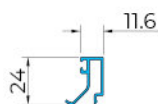
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-TL03	1.2	0.293

Nẹp kính



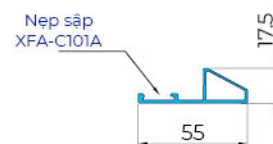
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-TL04	1.3	0.293

Nẹp kính hộp



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-TL04A	1.3	0.224

Đế nẹp



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-TL05	1.5	0.391

Nẹp kính



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C101A	0.9	0.167

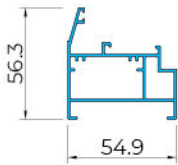
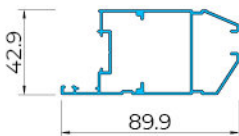
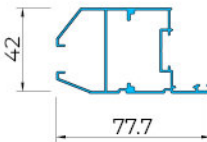
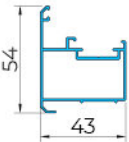
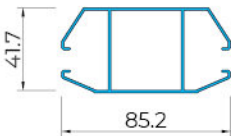
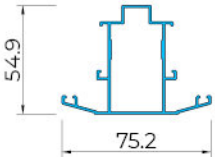
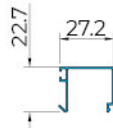
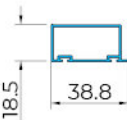


CỬA ĐI, CỬA SỐ, VÁCH KÍNH

XFA

HỆ CỬA ĐI & CỬA SỔ VÁT CẠNH XFA - 55

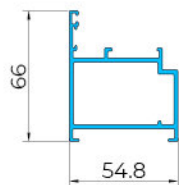
(Độ dày 1.2mm)

Khung bao cửa	Cánh cửa đi nẹp liền	Cánh cửa sổ																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5501</td><td>1.2</td><td>0.865</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5501	1.2	0.865	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5503A</td><td>1.2</td><td>1.020</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5503A	1.2	1.020	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5504</td><td>1.2</td><td>0.805</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5504	1.2	0.805
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5501	1.2	0.865																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5503A	1.2	1.020																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5504	1.2	0.805																		
Đố động dùng chung	Chia cánh nẹp liền	Đố chia khung																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5505A</td><td>1.2</td><td>0.595</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5505A	1.2	0.595	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5506A</td><td>1.2</td><td>0.970</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5506A	1.2	0.970	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5507</td><td>1.2</td><td>0.877</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5507	1.2	0.877
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5505A	1.2	0.595																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5506A	1.2	0.970																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5507	1.2	0.877																		
Nẹp khung	Ốp chân cửa đi																			
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5509</td><td>0.8</td><td>0.195</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5509	0.8	0.195	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5516</td><td>1.0</td><td>0.332</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5516	1.0	0.332							
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5509	0.8	0.195																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-5516	1.0	0.332																		

HỆ CỬA XFA - 55

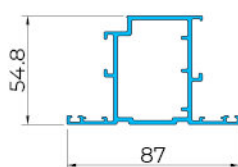
(Độ dày 2.0 - 1.8 - 1.4 - 1.2 - 0.8mm)

Khung bao cửa đi



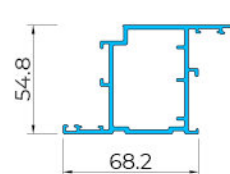
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3328	2.0	1.222
XFA-C3328 1.8	1.8	1.088
XFA-C3328 1.4	1.4	0.933
XFA-C3328 1.2	1.2	0.828
XFA-C3328M	0.8	0.605

Cánh cửa đi mở ra



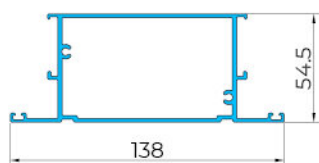
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3303	2.0	1.427
XFA-C3303 1.8	1.8	1.287
XFA-C3303 1.4	1.4	1.133
XFA-C3303 1.2	1.2	1.008
XFA-C3303M	0.8	0.708

Cánh cửa đi mở vào



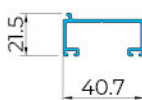
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3332	2.0	1.447
XFA-C3332 1.8	1.8	1.302
XFA-C3332 1.4	1.4	1.138
XFA-C3332 1.2	1.2	1.008
XFA-C3332M	0.8	0.708

Ngang cánh dưới



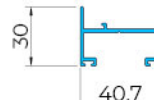
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3304 1.8	1.8	1.902
XFA-C3304 1.2	1.2	1.320

Ốp đáy cánh



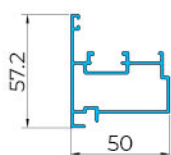
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3329	1.5	0.417

Ốp đáy cánh (có gờ)



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3329A	1.5	0.495
XFA-C3329A 1.2	1.2	0.375

Đế động (dùng chung)



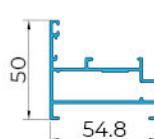
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3323A 1.4	1.4	0.950
XFA-C3323A 1.2	1.2	0.788
XFA-C3323A 0.8	0.8	0.542

Đế động mở 2 chiều



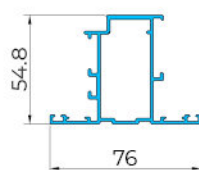
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-DD2	1.4	0.875

Khung bao cửa sổ



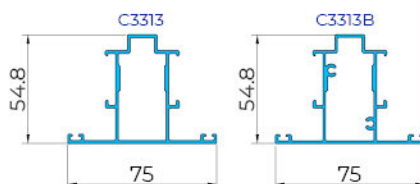
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3318 1.4	1.4	0.843
XFA-C3318 1.2	1.2	0.747
XFA-C3318 0.8	0.8	0.525

Cánh cửa sổ



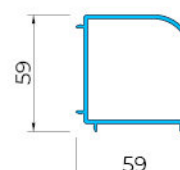
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3202 1.4	1.4	1.097
XFA-C3202 1.2	1.2	0.933
XFA-C3202 0.8	0.8	0.697

Tách khung cửa sổ



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3313 1.4	1.4	1.007
XFA-C3313 1.2	1.2	0.883
XFA-C3313 0.8	0.8	0.652
XFA-C3313B	1.2	0.967

Bộ góc 90°

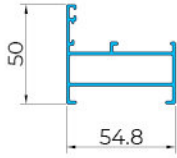


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3326	2.0	1.167

HỆ CỬA XFA - 55

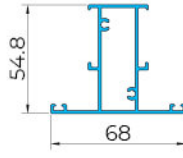
(Độ dày 2.0 - 1.8 - 1.4 - 1.2 - 0.8mm)

Khung bao vách kính



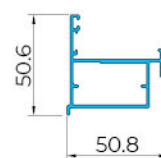
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3209 1.4	1.4	0.803
XFA-C3209 1.2	1.2	0.712
XFA-C3209 0.8	0.8	0.483

Đố chia vách



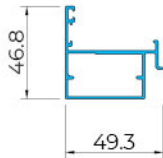
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3203 1.4	1.4	0.902
XFA-C3203 1.2	1.2	0.853
XFA-C3203 0.8	0.8	0.612

Khung bao lật khuôn



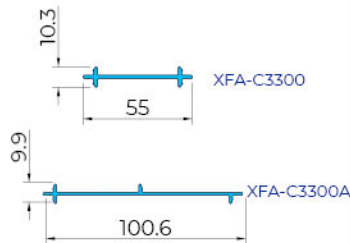
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3208	1.4	0.758

Khung bao lật khuôn



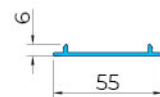
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3208 1.2	1.2	0.670

Thanh nối khung



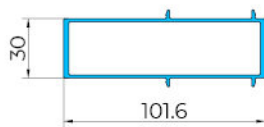
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3300	1.8	0.358
XFA-C3300A	1.5	0.505

Thanh nối khung 1 mặt



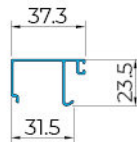
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3300B	1.8	0.307

Thanh nối khung lớn



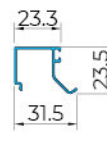
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3310	1.6	1.300

Nẹp kính



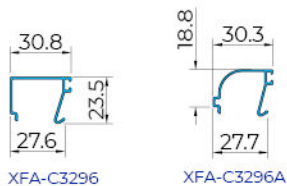
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3295	1.0	0.284
XFA-C3295 0.8	0.8	0.220

Nẹp kính hộp (19-24mm)



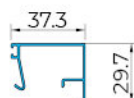
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3286	1.0	0.233

Nẹp kính



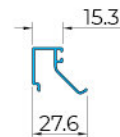
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3296	1.0	0.250
XFA-C3296A	1.0	0.213

Nẹp kính (sập khung)



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3296B	1.0	0.315

Nẹp kính hộp (19-24mm)

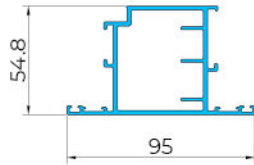


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3291	1.0	0.207

HỆ CỬA XFA - 55

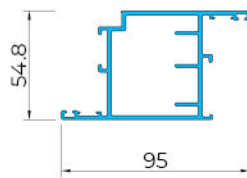
(Độ dày 2.0 - 1.4mm)

Cánh cửa đi phẳng mở ra



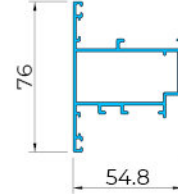
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3303P 2.0	2.0	1.595
XFA-C3303P 1.4	1.4	1.260

Cánh cửa đi phẳng mở vào



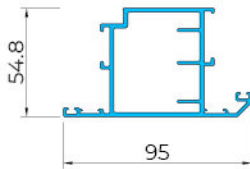
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3332P 2.0	2.0	1.612
XFA-C3332P 1.4	1.4	1.262

Cánh cửa sổ phẳng



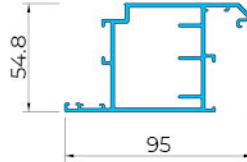
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3202P	1.4	1.068

Cánh cửa đi vát mở ra



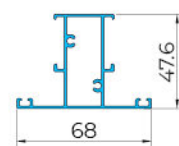
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3303V 2.0	2.0	1.638
XFA-C3303V 1.4	1.4	1.298

Cánh cửa đi vát mở vào



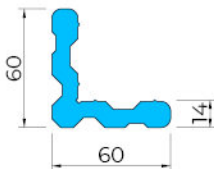
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3332V 2.0	2.0	1.660
XFA-C3332V 1.4	1.4	1.300

Đố chia cánh vát



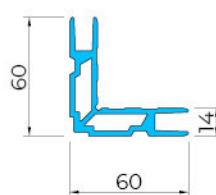
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3203V	1.2	0.812

Ke góc



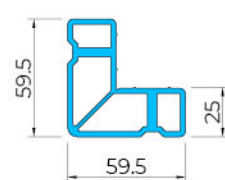
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C1687	14	3.155

Ke góc(F4137)



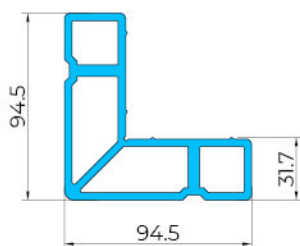
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KE004	2.6	1.833

Ke góc



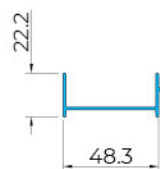
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C1697	1.8	2.267

Ke góc



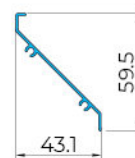
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F347	3.8-5.8	4.942

Khung bao lá sách (louver)



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-E1283	1.3	0.365

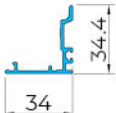
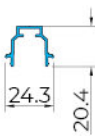
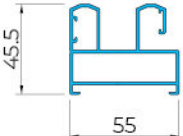
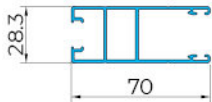
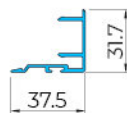
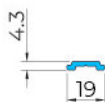
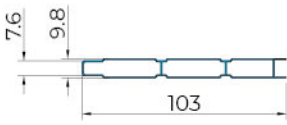
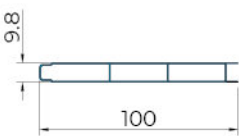
Lá sách (louver)



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-E192	1.2	0.332

HỆ CỬA XFA - 55

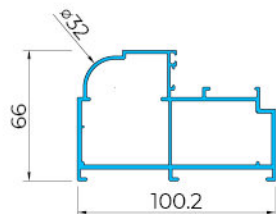
(Độ dày 1.4 - 1.2 - 0.8mm)

Khung bao lùa	Cánh lùa	Ốp lưng cánh																																	
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-20532 1.4</td><td>1.4</td><td>0.942</td></tr> <tr> <td>XFA-20532 1.2</td><td>1.2</td><td>0.833</td></tr> <tr> <td>XFA-20532 0.8</td><td>0.8</td><td>0.573</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-20532 1.4	1.4	0.942	XFA-20532 1.2	1.2	0.833	XFA-20532 0.8	0.8	0.573	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-20526 1.4</td><td>1.4</td><td>0.942</td></tr> <tr> <td>XFA-20526 1.2</td><td>1.2</td><td>0.833</td></tr> <tr> <td>XFA-20526 0.8</td><td>0.8</td><td>0.585</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-20526 1.4	1.4	0.942	XFA-20526 1.2	1.2	0.833	XFA-20526 0.8	0.8	0.585	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-20527 1.3</td><td>1.3</td><td>0.350</td></tr> <tr> <td>XFA-20527 0.8</td><td>0.8</td><td>0.260</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-20527 1.3	1.3	0.350	XFA-20527 0.8	0.8	0.260
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-20532 1.4	1.4	0.942																																	
XFA-20532 1.2	1.2	0.833																																	
XFA-20532 0.8	0.8	0.573																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-20526 1.4	1.4	0.942																																	
XFA-20526 1.2	1.2	0.833																																	
XFA-20526 0.8	0.8	0.585																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-20527 1.3	1.3	0.350																																	
XFA-20527 0.8	0.8	0.260																																	
Trung gian lùa	Ốp che mưa	Khung bao lùa (hệ vát cạnh)																																	
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-20528 1.2</td><td>1.2</td><td>0.217</td></tr> <tr> <td>XFA-20528 0.8</td><td>0.8</td><td>0.150</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-20528 1.2	1.2	0.217	XFA-20528 0.8	0.8	0.150	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-20529 1-1.5</td><td>1-1.5</td><td>0.177</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-20529 1-1.5	1-1.5	0.177	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5510A 1.4</td><td>1.4</td><td>1.015</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5510A 1.4	1.4	1.015												
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-20528 1.2	1.2	0.217																																	
XFA-20528 0.8	0.8	0.150																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-20529 1-1.5	1-1.5	0.177																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-5510A 1.4	1.4	1.015																																	
Cánh lùa (hệ vát cạnh)	Cánh lùa (hệ vát cạnh)	Trung gian lùa																																	
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5511A 1.4</td><td>1.4</td><td>0.85</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5511A 1.4	1.4	0.85	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5512 1.2</td><td>1.2</td><td>0.405</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5512 1.2	1.2	0.405	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-5515 1.2</td><td>1.2</td><td>0.415</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-5515 1.2	1.2	0.415															
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-5511A 1.4	1.4	0.85																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-5512 1.2	1.2	0.405																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-5515 1.2	1.2	0.415																																	
Thanh chuyển động	Lamri (pano)	Lamri phẳng (pano)																																	
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-C459 2.3</td><td>2.3</td><td>0.167</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-C459 2.3	2.3	0.167	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-4332 0.6</td><td>0.6</td><td>0.300</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-4332 0.6	0.6	0.300	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-4333 0.5</td><td>0.5</td><td>0.320</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-4333 0.5	0.5	0.320															
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-C459 2.3	2.3	0.167																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-4332 0.6	0.6	0.300																																	
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																																	
XFA-4333 0.5	0.5	0.320																																	

HỆ CỬA ĐI & CỬA SỔ XFA - 1000

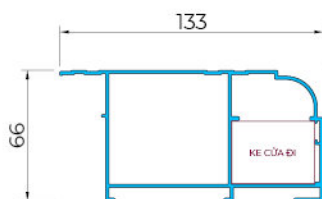
(Độ dày 2.0 & 1.2mm)

Khung bao cửa đi 1000



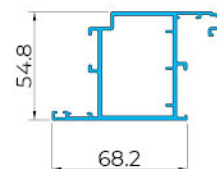
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3328A	2.0	1.903
XFA-C3328A 1.2	1.2	1.367

Nối khung cửa đi 1000



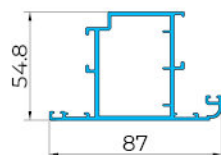
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3328B	1.6	2.015

Cánh bầu cửa đi mở vào



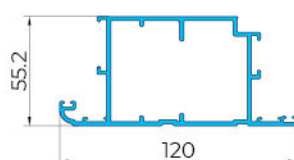
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3332A	2.0	1.417

Cánh bầu cửa đi mở ra



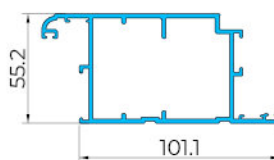
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3303A	2.0	1.417

Cánh bầu c.đi mở ra bản 120



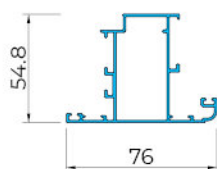
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3303C	2.0	1.975

Cánh bầu c.đi mở vào bản 120



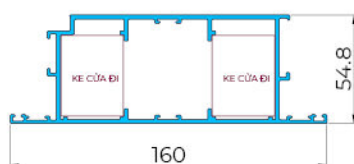
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3332C	2.0	1.975

Cánh bầu cửa sổ



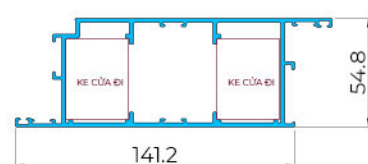
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3202A	1.2	0.963

Cánh cửa đi mở ra bản 160



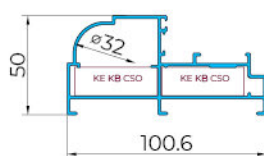
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3303D	2.0	2.439

Cánh cửa đi mở vào bản 160



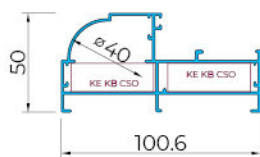
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3332D	2.0	2.439

Khung bao cửa sổ 1000



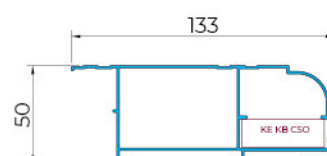
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3318A 1.4	1.4	1.377
XFA-T3318A	1.2	1.170

Khung bao vách 1000



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3209A	1.2	1.197

Nối khung bao 1000

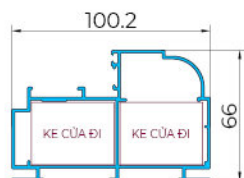


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-C3318B	1.2	1.417

HỆ CỬA ĐI & CỬA SỔ HỆ PHÀO XFA - 1000

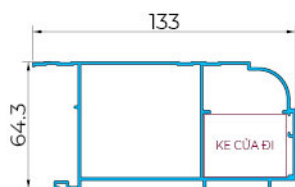
(Độ dày 1.4mm)

K.bao cửa đi phào 1000



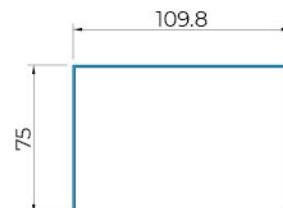
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-3328D	1.4	1.668

Nối k.bao cửa đi phào 1000



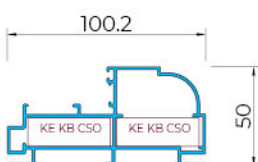
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-3328E	1.4	1.825

Hộp nối phào



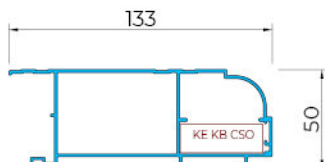
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NP-01	1.2	1.187

K.bao cửa sổ phào 1000



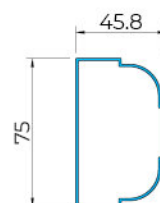
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-3318D	1.4	1.463

Nối k.bao cửa sổ phào 1000



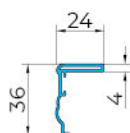
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-3318E	1.4	1.639

Nối phào bầu



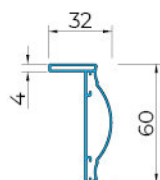
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NP-02	1.2	0.727

Phào nhỏ

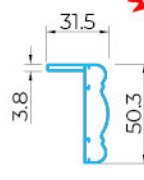


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-001	1.2	0.300

Phào lớn



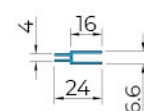
PHÀO-002



PHÀO-003

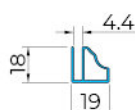
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-002	1.0	0.514
PHÀO-003	1.0	0.453

U nối phào



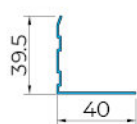
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
PHÀO-NOI	1.0	0.142

Chân phào

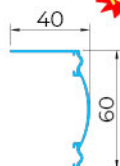


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-U-P01	1.0	0.203

Chỉ phào V40



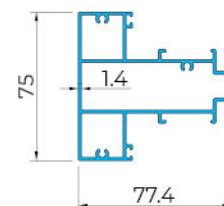
XFA-V40



XFA-V40A

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-V40	1.0	0.226
XFA-V40A	1.0	0.293

Đố nối vách liên



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-T3313A	1.4	1.562



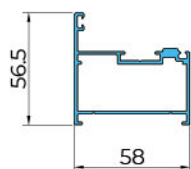
CỬA ĐI XẾP TRƯỢT

XFA

HỆ CỬA ĐI XẾP TRƯỢT XFA - 63

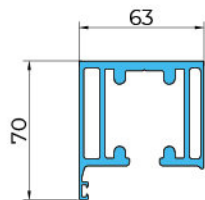
(Độ dày 1.5mm)

Khung bao đứng



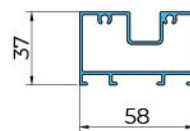
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F4116	1.5	1.053

Khung bao ngang trên



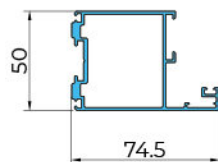
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F605	1.5	2.80

Khung bao ngang dưới



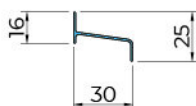
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F2435	1.5	1.033

Cánh lùa xếp



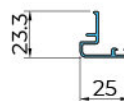
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F5017	1.5	1.272

Ốp che mưa



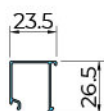
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F519	1.2	0.183

Nẹp móc cánh



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F520	1.3	0.243

Nẹp kính



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-F521	1.0	0.225



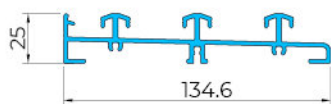
CỬA ĐI, CỬA SỐ LÙA

XFA

HỆ CỬA LÙA 3 RAY XFA - 93

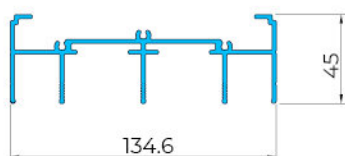
(Độ dày 2.0mm)

Kbao ngang dưới lùa 3 ray



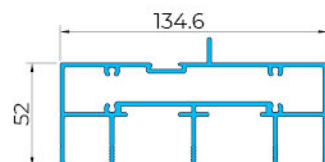
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1542B	2.0	1.78

Kbao ngang trên lùa 3 ray



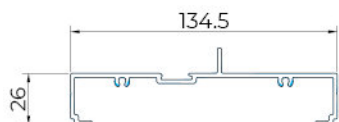
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1541B	2.0	2.030

Kbao chia ngang trên lùa 3 ray



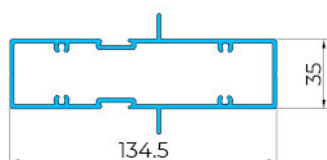
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1551B	2.0	2.880

Khung bao vách 3 ray



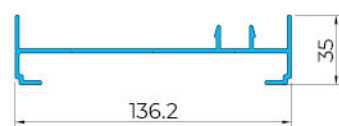
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1559B	2.0	1.300

Đế chia vách 3 ray



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D2618B	2.0	2.220

Kbao đứng lùa 3 ray



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1543B	2.0	1.37

Ốp khung bao đứng lùa 3 ray

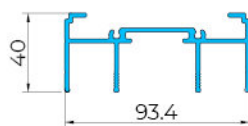


Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1549B	2.0	0.938

HỆ CỬA LÙA 2 RAY XFA - 93

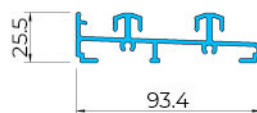
(Độ dày 2.0 - 1.6 - 1.2mm)

Khung bao ngang trên



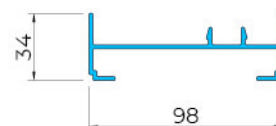
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1541A 2.0	2.0	1.442
XFA-D1541A 1.6	1.6	1.202
XFA-D1541M 1.2	1.2	0.915

Kbao ngang dưới cửa đi lùa



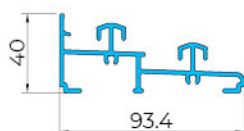
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1942 2.0	2.0	1.303
XFA-D1942A 1.6	1.6	1.148
XFA-D1942C 1.2	1.2	0.910

Khung bao đứng lùa



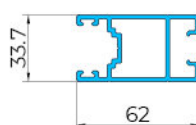
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1543 2.0	2.0	1.133
XFA-D1543A 1.6	1.6	0.922
XFA-D1543M 1.2	1.2	0.723

Kbao ngang dưới lùa (ray cao thấp)



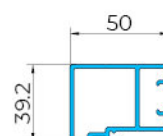
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1942 2.0	2.0	1.473
XFA-D1942 1.6	1.6	1.312
XFA-D1942D 1.2	1.2	0.958

Cánh đứng trơn



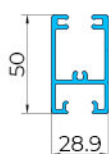
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1546 2.0	2.0	1.257
XFA-D1546A 1.6	1.6	1.067
XFA-D1546M 1.2	1.2	0.827

Cánh đứng móc



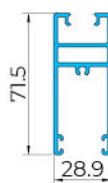
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1547 2.0	2.0	1.100
XFA-D1547A 1.6	1.6	0.898
XFA-D1547M 1.2	1.2	0.717

Cánh ngang trên



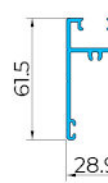
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1544 2.0	2.0	0.945
XFA-D1544A 1.6	1.6	0.827
XFA-D1544M 1.2	1.2	0.638

Cánh ngang dưới lớn



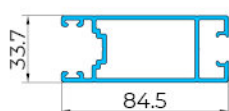
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1555 2.0	2.0	1.235
XFA-D1555A 1.6	1.6	1.048
XFA-D1555M 1.2	1.2	0.825

Cánh ngang dưới nhỏ



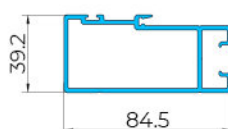
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1545 2.0	2.0	0.980
XFA-D1545A 1.6	1.6	0.833
XFA-D1545M 1.2	1.2	0.667

Cánh đứng trơn bản lớn



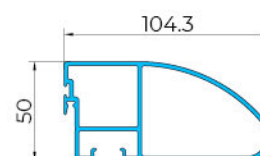
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1546B 2.0	2.0	1.521

Cánh đứng móc bản lớn



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1547B 2.0	2.0	1.494

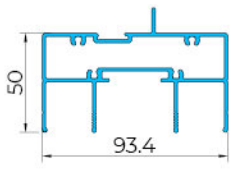
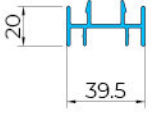
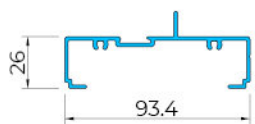
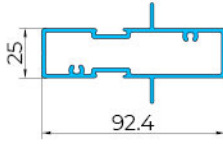
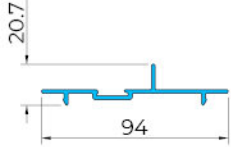
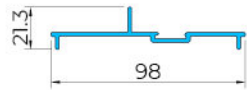
Cánh đứng móc bản lớn có gờ



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-D1547C 2.0	2.0	1.912

HỆ CỬA LÙA 2 RAY XFA - 93

(Độ dày 2.0 - 1.6 - 1.2mm)

Khung bao trên liền vách lùa	Trung gian 4 cánh	Khung bao vách																											
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-D1551A</td><td>1.6</td><td>1.800</td></tr> <tr> <td>XFA-D1551M</td><td>1.2</td><td>1.323</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-D1551A	1.6	1.800	XFA-D1551M	1.2	1.323	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-D1548A</td><td>1.6</td><td>0.58</td></tr> <tr> <td>XFA-D1548M</td><td>1.2</td><td>0.43</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-D1548A	1.6	0.58	XFA-D1548M	1.2	0.43	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-D1559A</td><td>1.8</td><td>0.953</td></tr> <tr> <td>XFA-D1559M</td><td>1.2</td><td>0.673</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-D1559A	1.8	0.953	XFA-D1559M	1.2	0.673
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-D1551A	1.6	1.800																											
XFA-D1551M	1.2	1.323																											
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-D1548A	1.6	0.58																											
XFA-D1548M	1.2	0.43																											
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-D1559A	1.8	0.953																											
XFA-D1559M	1.2	0.673																											
Đổ chia vách	Ốp khung bao ngang	Ốp khung bao đứng																											
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-D2618</td><td>1.8</td><td>1.478</td></tr> <tr> <td>XFA-D2618M</td><td>1.2</td><td>0.965</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-D2618	1.8	1.478	XFA-D2618M	1.2	0.965	 Sập: D1541 D1942 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-D1578</td><td>1.8</td><td>0.647</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-D1578	1.8	0.647	 Sập: D1943 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-D1549A</td><td>1.8</td><td>0.678</td></tr> <tr> <td>XFA-D1549M</td><td>1.2</td><td>0.433</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-D1549A	1.8	0.678	XFA-D1549M	1.2	0.433			
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-D2618	1.8	1.478																											
XFA-D2618M	1.2	0.965																											
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-D1578	1.8	0.647																											
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-D1549A	1.8	0.678																											
XFA-D1549M	1.2	0.433																											
Nẹp kính	Nẹp kính vuông																												
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-C101</td><td>0.9</td><td>0.167</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-C101	0.9	0.167	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-C101A</td><td>0.9</td><td>0.167</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-C101A	0.9	0.167																
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-C101	0.9	0.167																											
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																											
XFA-C101A	0.9	0.167																											



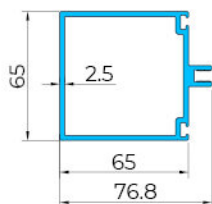
MẶT DỰNG

XFA

HỆ MẶT DỰNG XFA - 65

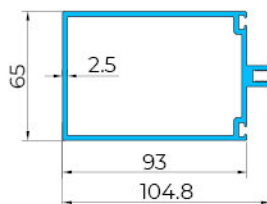
(Độ dày 2.5mm)

Thanh đứng 65*77



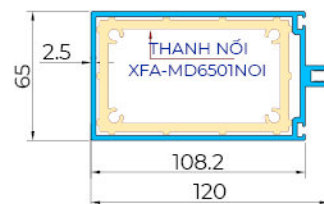
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD657	2.5	1.949

Thanh đứng 65*93



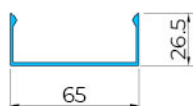
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6501	2.5	2.329

Thanh đứng 65*120



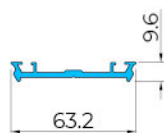
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD651	2.5	2.536

Ốp chụp ngoài



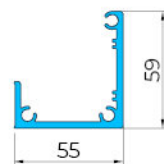
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6502	1.3-1.5	0.492

Chắn kính



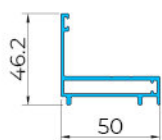
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6503	2.3	0.578

Pat mặt dựng



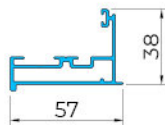
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-KE MD	3.2	1.323

Khung bao cửa sổ



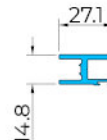
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6505	1.5-2.0	0.752

Cánh cửa sổ



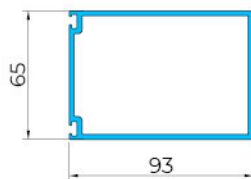
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6504	1.5	0.823

Tai nối kính



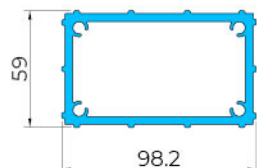
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD-NOI	2.0	0.402

Thanh đứng bìa



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6501A	2.5	2.129

Thanh nối liên kết



Liên kết Mã MD651 (65*120)

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-MD6501NOI	4.0	3.463

A low-angle, upward-looking photograph of a modern building's exterior. The building features a series of white, cantilevered balconies that create a strong sense of depth and geometric rhythm. The balconies are supported by dark metal brackets. Large glass windows are visible behind the balconies, reflecting the sky. The lighting is bright and warm, suggesting a sunny day, with a soft glow emanating from the left side of the frame. The overall aesthetic is clean, minimalist, and architectural.

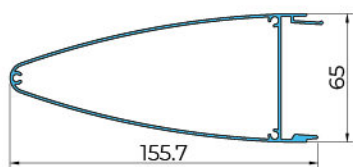
LAM TRANG TRÍ

XFA

LAM TRANG TRÍ MẶT DỰNG XFA - 65

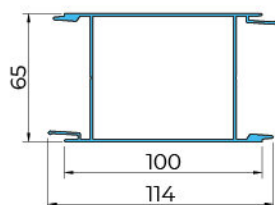
(Độ dày 1.4mm)

Lam đầu đạn



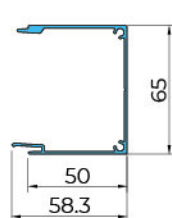
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LAM65G1	1.4	1.642

Lam nổi



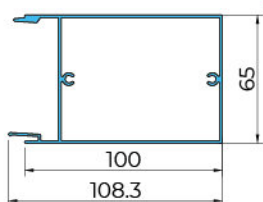
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LAM65G2	1.4	1.514

Đế lam 65*50



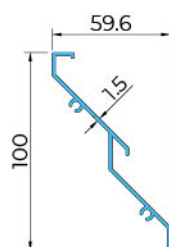
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LAM65G3	1.4	0.814

Đế lam 65*100



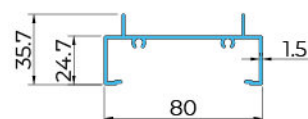
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LAM65G4	1.4	1.485

Lá sách



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LS100	1.5	0.72

Khung bao lá sách



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-8025	1.5	0.734

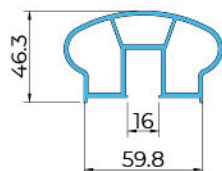
LAN CAN & CHẮN SONG BẢO VỆ

XFA

41 | **XFA**WINDOW

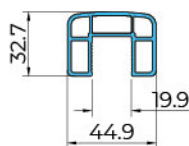
LAN CAN VÀ CHẮN SONG BẢO VỆ XFA

Tay vịn lan can lớn



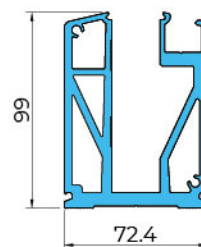
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LC01	2.0	1.560

Tay vịn lan can nhỏ



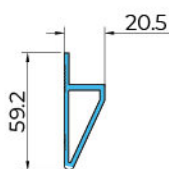
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LC02	2.0	1.078

Đế lan can



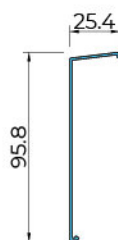
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LC03	3-6.8	6.174

Chèn kính



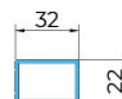
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LC04	2.4-2.9	0.789

Nắp chụp ngoài



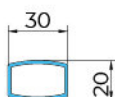
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-LC05	1.3	0.431

Song bảo vệ đứng



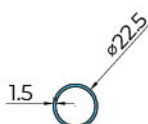
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV01	1.5	0.412

Song bảo vệ ngang



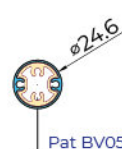
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV02	1.4-1.5	0.345

Song bảo vệ ngang tròn



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV03	1.5	0.263

Song bảo vệ tròn có lỗ vít



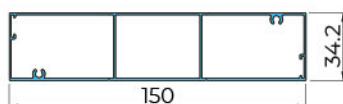
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV04	1.5	0.297

Pat song tròn BV04



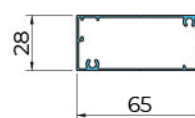
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV05	1.0	0.310

Khung bao tường



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV06	1.1	1.384

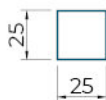
Chia song



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-BV07	1.1	0.659

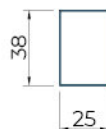
NHÔM HỘP XFA

Hộp 25*25



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-25*25	0.5	0.138

Hộp 25*38



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-25*38	0.5	0.175

Hộp 25*50



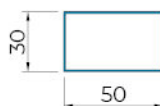
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-25*50	0.6	0.217

Hộp 25*76



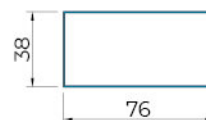
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-25*76	0.6	0.320

Hộp 30*50



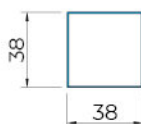
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-30*50	0.7	0.383

Hộp 38*76



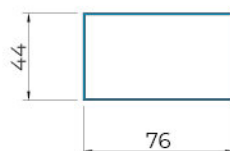
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-38*76	0.6	0.367

Hộp 38*38



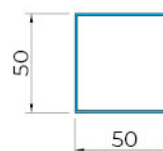
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-38*38	0.6	0.253

Hộp 44*76



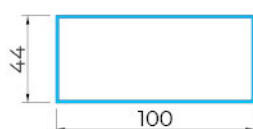
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-44*76	0.86	0.550

Hộp 50*50



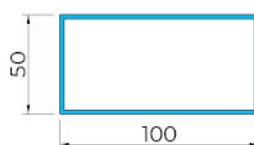
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-50*50	1.1	0.608

Hộp 44*100



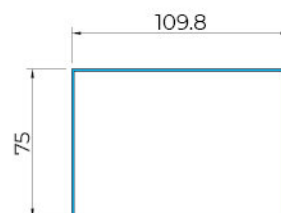
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-44*100	1.2	0.933

Hộp 50*100



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-50*100	2.0	1.583

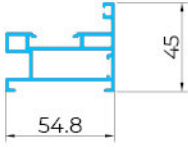
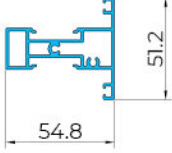
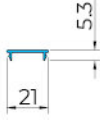
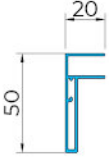
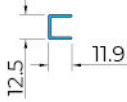
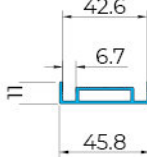
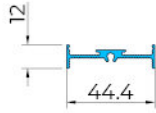
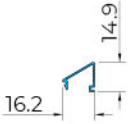
Hộp nối phào



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NP-01	1.2	1.187

HỆ CỬA ĐI TỔ ONG XFA

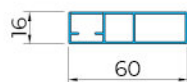
(Độ dày 1.2 - 1.4mm)

Khung bao	T chia khung	Nắp che vít khung bao																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 01</td><td>1.4</td><td>0.939</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 01	1.4	0.939	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 02</td><td>1.4</td><td>1.000</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 02	1.4	1.000	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 03</td><td>1.2</td><td>0.089</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 03	1.2	0.089
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 01	1.4	0.939																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 02	1.4	1.000																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 03	1.2	0.089																		
Phào	U che khung bao	Cánh phẳng trơn																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 04</td><td>1.2</td><td>0.433</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 04	1.2	0.433	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 05</td><td>1.2-1.4</td><td>0.115</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 05	1.2-1.4	0.115	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 06</td><td>1.4</td><td>0.395</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 06	1.4	0.395
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 04	1.2	0.433																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 05	1.2-1.4	0.115																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 06	1.4	0.395																		
Cánh phẳng móc	Chỉ nổi	Nẹp kính																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 07</td><td>1.4</td><td>0.507</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 07	1.4	0.507	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 08</td><td>1.3-1.6</td><td>0.313</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 08	1.3-1.6	0.313	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã nhôm</th><th>Độ dày(mm)</th><th>T.Lượng (kg/m)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA-TO 09</td><td>0.8</td><td>0.089</td></tr> </tbody> </table>	Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)	XFA-TO 09	0.8	0.089
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 07	1.4	0.507																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 08	1.3-1.6	0.313																		
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)																		
XFA-TO 09	0.8	0.089																		

HỆ NỘI THẤT XFA

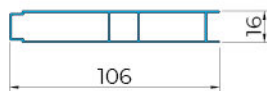
(Độ dày 1.0mm)

Cây liên kết



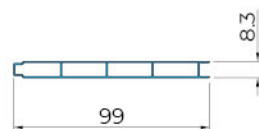
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT01	1.0	0.499

Lá hộp to



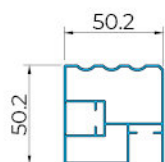
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT02	0.9	0.655

Lá hộp nhỏ



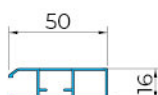
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT03	1.0	0.384

Trụ lớn



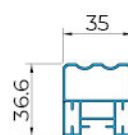
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT04	1.0	0.820

Khung vách



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT05	1.0	0.407

Trụ nhỏ



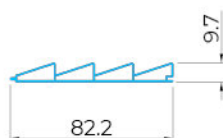
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT06	1.0	0.575

Cánh tủ



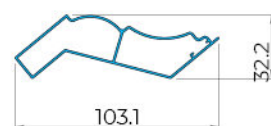
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT07	0.9	0.524

Lá sóng



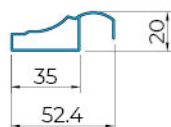
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT08	0.6-0.8	0.379

Phào nóc tủ



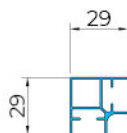
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT09	1.0	0.695

Phào bàn



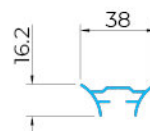
Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT10	1.0	0.337

Trụ sau



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT11	0.9	0.325

Chìa ngăn



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT12	0.95	0.205

HỆ NỘI THẤT XFA

(Độ dày 1.0mm)

Thanh ngăn kéo



New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT13	1.0	0.184

U 16*18



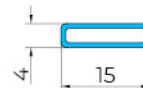
New!

Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT14	0.8	0.109

Nan trang trí



New!



Mã nhôm	Độ dày(mm)	T.Lượng (kg/m)
XFA-NT15	0.8	0.075

CỬA CUỐN CÔNG NGHỆ ĐỨC



KDT 075



KDT B50



KDT 5122



KDT 502



KDT 1061R



KDT 5222



KDT 070



KDT 070SD



KDT 5244



KDT 050F5



KDT 5243R



KDT 5222R



KDT 1062R



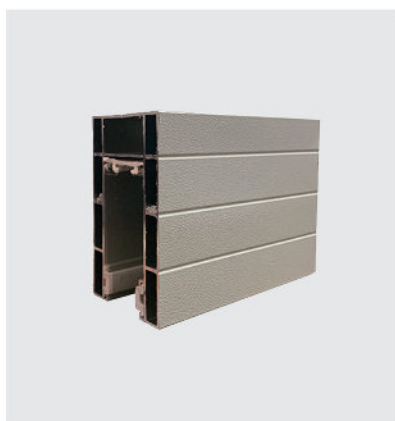
KDT 1060R



KDT 2016R



KDT 5223R



Ray hộp 7.5cm



Ray hộp 10cm

Dự Án Sử Dụng Nhôm **XFAWINDOW**

Hệ thống các shop house Vingroup



Hệ thống khách sạn TTC Group



Novotel Phú Quốc



Khu công nghiệp VSIP Bình Dương



**Trụ sở công an
TP.HCM**



**Đài phát thanh
truyền hình
Vĩnh Long**



**Barya Bà Rịa -
Vũng Tàu**



Dự Án Sử Dụng Nhôm

XFAWINDOW

Young Town Tây Bắc - Sài Gòn



Rolanno Star Bình Tân



Terra Mia Bình Chánh



**Golden Hills
City Đà Nẵng
Khu C**



**Bệnh viện đa khoa
Bình Định**



**Bệnh viện đa khoa
Nam Cần Thơ**



**Nhà ở thấp tầng
Ba Son - Quận 9**



Dự Án Sử Dụng Nhôm **XFAWINDOW**

Dự án Gem Sky World



Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP.HCM



Nhà Công vụ Quân khu bộ - Quận 7



Trụ sở Công an tỉnh Lâm Đồng



Ủy ban nhân dân xã Hồ Tràm



Cao ốc Công giáo và Dân tộc



Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam



Dự Án Sử Dụng Nhôm **XFAWINDOW**

Akiara City Võ Văn Kiệt - Block D



Cao ốc Hưng Phát Nhà Bè



Nhà máy nhiệt điện duyên hải 2 Trà Vinh



D'Edge Thảo Điền Quận 2







NHÀ MÁY NHÔM
XFAWINDOW

NHÀ MÁY
997 Quốc lộ N2, Xã Thạnh Lợi, Tỉnh Tây Ninh
TỔNG KHO
B7/7 Võ Văn Vân, Xã Tân Vĩnh Lộc, TP.HCM

☎ 028 6268 5437 | 6268 5340 | 6268 5005
☎ 0983 773 779 ✉ khaiducthanhnhom@gmail.com
🌐 www.nhomxingfawindow.com